

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/DS-ST

Ngày 10 – 12 – 2020

“Về việc tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Bùi Hữu Khánh

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:

Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ
thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- DS, ngày 18 tháng 02 năm 2020
về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 165/2020/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 11A, Nguyễn Công Trứ, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Hữu Tr:

Luật sư Trần Đức T – Văn phòng luật sư Trần Đức T – Đoàn luật sư tỉnh
Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Số 111, đường Nguyễn Bình Khiêm, khóm 8, phường 8, thành phố
Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Anh Trịnh Tấn Ph, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Hữu Tr (Nguyên đơn) trình bày:

Ngày 11/9/2018 anh có nhận cầm cố của anh Trịnh Tấn Ph xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A-220.50 do anh Ph đứng tên sở hữu, số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng, cụ thể lãi mỗi tháng 5.250.000 đồng, anh Ph đóng lãi được 13 tháng (từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/11/2019). Ngày 11.9.2018 anh Ph và anh thỏa thuận cho anh Ph mang xe đi gửi ở bãi giữ xe của anh Dũng. Trong thời gian này do cha anh bệnh nặng nên anh đưa lên thành phố Hồ Chí Minh điều trị, anh Ph tự ý đến bãi gửi xe ô tô mang về sử dụng không cho anh biết. Sau khi anh về có yêu cầu anh Ph trả lại xe hoặc trả lại tiền gốc, lãi cho anh nhưng anh Ph kéo dài không thực hiện, đến ngày 11/01/2020 anh Ph ra gặp anh và làm giấy hẹn đóng lãi và trả nợ vốn 30.000.000 đồng, nhưng sau đó anh Ph không thực hiện và cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho anh. Ngày 27 tháng 12 năm 2019 âm lịch anh Ph mang xe ra cho anh nhưng xe đã hư hỏng nặng, xuống cấp nhưng anh Ph cho rằng đã cầm xe đứt nên giao xe cho anh, sau đó anh Ph xé giấy cam kết và bỏ về. Anh mang xe của anh Ph ra bãi xe đậu xe đến nay. Nay anh yêu cầu anh Ph và chị N trả số tiền cầm xe còn thiếu là 150.000.000 đồng và những tháng thiếu thì trả lãi suất còn thiếu theo hợp đồng cầm cố. Đối với chiếc xe ô tô anh Ph cầm thì anh đồng ý trả cho anh Ph.

Tại các lời khai tại Tòa án, anh Trịnh Tấn Ph (Bị đơn) trình bày: Ngày 11/9/2018 anh cầm cho anh Trí xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A-220.50 do anh đứng tên, số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng, cụ thể lãi mỗi tháng 5.250.000 đồng, đóng lãi được 13 tháng (từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/11/2019). Do nhà anh Trí chật chội nên hai bên thống nhất gửi xe tại bãi xe của anh Dũng, anh đóng phí giữ xe mỗi tháng là 500.000 đồng. Do phí giữ xe cao nên anh mang xe về nhà giữ để đỡ tốn tiền phí, anh không chạy xe do không đăng kiểm nên không sử dụng được. Sau đó anh không có tiền đóng nên anh Trí yêu cầu anh giao xe, đến ngày 27 tháng 12 năm 2019 âm lịch anh giao xe anh Trí, anh có xé giấy hẹn cam kết đem xe ra, anh Trí đồng ý nhận xe để trừ số tiền cầm. Khi cầm xe thì khoảng hơn 02 tháng thì chị N mới biết, anh lấy tiền cầm xe để kinh doanh riêng. Anh không có khả năng chuộc xe trả cho anh Trí nên đồng ý giao xe ô tô cho anh Trí quản lý sử dụng. Anh không đồng ý trả cho anh Trí số tiền cầm xe còn thiếu là 150.000.000 đồng và lãi suất.

Tại biên bản làm việc của Tòa án, chị Phạm Thị N trình bày: Việc anh Trịnh Tấn Ph cầm cố xe cho anh Trí chị không biết, xe do vợ chồng mua nhưng anh Ph đứng tên sở hữu. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Trí và yêu cầu anh Trí trả xe cho chị.

Tại phiên tòa Luật sư Trần Đức T trình bày: Vào ngày 11/9/2018 anh Ph có hợp đồng cầm cố chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A-220.50 cho anh Tr. Xe do anh Ph đứng tên sở hữu, số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng. Anh Ph có đóng lãi được 13 tháng (từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/11/2019), từ đó cho đến nay anh Ph không trả vốn, lãi. Xét thấy, anh Ph đã vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện đúng theo như cam kết trả nợ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Ph cùng với chị N (là vợ anh Ph) phải có nghĩa vụ trả cho anh Tr số tiền vốn 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/8/2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người T hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 164, 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Ph và chị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Trí số tiền là 149.393.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Đối với chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A- 220.50 là tài sản theo giao dịch cầm cố hợp pháp nên đề nghị duy trì để đảm bảo cho việc thi hành án số tiền trên đúng theo quy định của pháp luật.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Tr với bị đơn là anh Trịnh Tấn Ph “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự.

[2] Do bị đơn có địa chỉ tại xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Tr yêu cầu anh Ph và chị N trả số tiền cầm xe còn thiếu là 150.000.000 đồng và trả lãi suất còn thiếu theo hợp đồng cầm cố. Đối với chiếc xe ô tô anh Ph cầm thì anh đồng ý trả cho anh Ph. Anh Ph đồng ý giao xe ô tô cho anh Trí quản lý sử dụng và không đồng ý trả cho anh Trí số tiền cầm xe còn thiếu là 150.000.000 đồng và lãi suất. Chị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Trí và yêu cầu anh Trí trả xe cho chị.

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Ph có cầm cho anh Trí một xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A- 220.50 do anh Ph đứng tên, số tiền là 150.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được hai bên thừa nhận. Tại phiên tòa, anh Tr vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ph, chị N cho anh số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất đã cầm cố tài sản ngày 11/9/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do anh Ph, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Tr khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh Tr đã cung cấp giấy hợp đồng cầm cố tài sản mà anh Ph đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh Ph, chị N không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh Ph, chị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của anh Tr thấy rằng: Anh Ph khai trong giấy hợp đồng cầm cố có thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Tr yêu cầu anh Ph, chị N trả lãi suất theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian từ ngày 11/9/2018 đến ngày xét xử (ngày 10/12/2020) làm căn cứ tính lãi suất là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng cầm cố tài sản giữa anh Tr và Ph có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn anh Ph không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 11/9/2018 đến ngày 10/12/2020 là 02 năm 3 tháng 01 ngày, được tính như sau: 150.000.000 đồng x 20%/năm (= 1.6666 %tháng) x 02 năm 3 tháng 01 ngày = 67.643.000 đồng.

Trong thời gian cầm cố tài sản thì anh Ph đã trả lãi cho anh Tr với mức lãi suất 3,5%/tháng với số tiền 68.250.000 đồng là cao so với quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ph nên Hội đồng xét xử điều chỉnh đối trừ lại như sau: 68.250.000 đồng - 67.643.836 đồng = 607.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc anh Ph, chị N trả cho anh Tr là 150.000.000 đồng – 607.000 đồng = 149.393.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

[5] Đối với chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Mitsubishi biển số 69A- 220.50, do anh Trịnh Tấn Ph đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe đã hợp đồng cầm cố để đảm bảo cho việc giao dịch, xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Nếu anh Ph, chị N không trả tiền cho anh Tr thì Thi hành án có quyền phát mãi tài sản để đảm thanh toán số tiền nợ trên đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Ph, chị N phải chịu án phí đối với số tiền 149.393.000 đồng x 5% = 7.469.000 đồng .

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315 Bộ luật dân sự; Các điều 26, 35, 147, 227, Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu Trí đối với anh Trịnh Tấn Ph, chị Phạm Thị N.

Buộc anh Trịnh Tấn Ph, chị Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Hữu Trí số tiền là 149.393.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa được thi hành án.

Về án phí: Anh Trịnh Tấn Ph, chị Phạm Thị N phải chịu 7.469.000 đồng án phí dân sự, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Anh Nguyễn Hữu Trí không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005155, ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm tranh chấp, các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ph, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tranh chấp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Tính